

Bản án số: 305/2019/HS-PT

Ngày: 18- 11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 283/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Trần Phước Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Phước Đ, sinh năm 1992, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số xxx, đường Hùng V, khóm x, phường x, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ Khóm X thuộc Đảng bộ phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày 24- 6- 2019 theo Quyết định số 151-QĐ/UBKTTU ngày 24- 6- 2019 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy L và tiếp tục gia hạn đình chỉ sinh hoạt Đảng thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày 29- 10- 2019 theo Quyết định số 162- QĐ/UBKTTU ngày 24- 10- 2019 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy L, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Chín L, sinh năm 1953; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam: Ngày 18- 6- 2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Nguyễn Chín L, sinh năm 1953 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XXX, đường Hùng V, khóm X, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị hại*: Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1988 (*có mặt*).

Nơi cư trú: Số XXX, ấp Tân T, xã Tân Phú T1, huyện Châu T3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Trịnh Văn E, sinh năm 1983 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số ấ Tân T, xã Tân Phú T1, huyện Châu T3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1/ Nguyễn Thị T4, sinh năm 1964 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XXX, ấp Tân T, xã Tân Phú T1, huyện Châu T3, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Lê Trọng N, sinh năm 1998 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số XXXB, ấp Tân B, xã Tân Khánh T1, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Võ Văn T5, sinh năm 1971 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số XX, ấp KhánhX B, xã Tân Khánh T1, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số xx/27, ấp Đông H, xã Tân Khánh Đ3, thành phố Đ1, Đồng Tháp.

5/ Lê Văn N2, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số xx, ấp Đông K, xã Tân Khánh Đ3, thành phố Đ1, Đồng Tháp.

6/ Trần Thị Tuyết N3, sinh năm 1996 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số xxx/2, khóm x, phường x, thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp.

7/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1962 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số xx/26, ấp Đông H, xã Tân Khánh Đ3, thành phố Đ1, Đồng Tháp.

8/ Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Tân M, xã Tân Phú T1, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21- 11- 2018, Trần Phước Đ điều khiển xe mô tô biển số 66P1- xxx.19 chở phía sau chị Trần Thị Tuyết N3 từ trong nhà trọ Thanh L1 tọa lạc số xx/27, ấp Đông H, xã Tân Khánh Đ3, thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp chạy ra đường ĐT848 rẽ phải về hướng cầu Cái B1. Tuy nhiên do

thiếu quan sát, Đ không phát hiện chị Nguyễn Thị Bé M đang điều khiển xe mô tô biển số 66C1- XXX.96 chở phía sau chị Nguyễn Thị T4 lưu thông trên đường ĐT848 từ hướng huyện V, tỉnh Đồng Tháp về hướng cầu Cái B1 đang chạy đến, nên khi Đ chạy từ trong Nhà trọ ra vì quá bất ngờ mà chị M không kịp lách tránh dẫn đến gác chân trước bên phải xe mô tô của chị M đã va vào gác chân trước bên trái xe mô tô của Đ, làm 02 xe mô tô cùng với Đ, chị N3, chị M, chị T4 ngã xuống đường. Sau khi xảy ra tai nạn thì Đ Lũn xe mô tô của mình điều khiển bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm.

Tai nạn xảy ra làm cho chị N3, chị T4 bị sảy sát nhẹ. Riêng đối với chị M thì bị chấn thương vùng đầu được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị, đến ngày 23- 11- 2018 thì chuyển sang Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị, đến ngày 30- 11- 2018 xuất viện. Đến ngày 05- 12- 2018 chị M tiếp tục đến Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp điều trị đến ngày 14- 12- 2018 thì xuất viện.

Nhận được tin báo, Công an thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp thông báo và phối hợp với Công an xã Tân Khánh T1, huyện V, tỉnh Đồng Tháp kiểm tra phát hiện và yêu cầu Đ dừng xe, quay lại hiện trường để Cảnh sát giao thông thành phố Đ1 tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định. Tuy nhiên, xét thấy tính chất mức độ vụ việc nghiêm trọng, nên Cảnh sát giao thông thông báo cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ1 dựng lại hiện trường đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21- 11- 2018 của Cảnh sát giao thông và biên bản dựng lại hiện trường ngày 29- 3- 2019 của Công an thành phố Đ1 xác định như sau: Chiều rộng mặt đường nơi xảy ra va chạm là 09m, tâm vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 66P1- XXX.19 và xe mô tô biển số 66C1- XXX.96 do vào lề phải theo hướng đi từ huyện V về hướng cầu Cái B1 (hướng đi của 02 xe) là 2,02 mét.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 79/TgT ngày 14- 3- 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với chị Nguyễn Thị Bé M như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn thương đầu gây xuất huyết não, liệt không hoàn toàn nửa người bên phải điều trị nội khoa.

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT- BYT ngày 12- 6- 2014 thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị Bé M do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 62%. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở Lên).

3. Kết luận khác: Không.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ1 có thu giữ: 01 xe mô tô biển số 66C1- xxx.96 của chị Nguyễn Thị Bé M; 01 xe mô tô biển số 66P1- xxx.19 cùng 01 giấy đăng ký xe biển số 66P1- xxx.19 mang

tên Nguyễn Chín L; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 870103002474 cấp ngày 30-3-2016 mang tên Trần Phước Đ.

Về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra:

- Chị Nguyễn Thị Bé M yêu cầu bị cáo Đ bồi thường các khoản gồm:

+ Chi phí điều trị: 47.495.461 đồng.

+ Chi phí ăn, uống trong thời gian điều trị tại Bệnh viện: 2.000.000 đồng.

+ Tiền thu nhập bị mất: 150.000 đồng/01 ngày x 66 ngày = 9.900.000 đồng.

+ Tiền thuê xe đi lại điều trị: 5.040.000 đồng.

+ Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 74.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền: 138.935.461 đồng, lấy tròn: 138.935.000 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M chỉ yêu cầu tiền xe đi lại điều trị là 4.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị M yêu cầu bồi thường còn là 137.895.000 đồng.

- Anh Trịnh Văn E (chồng chị M) là người trực tiếp chăm sóc chị M trong thời gian điều trị và sau khi điều trị, yêu cầu bồi thường các khoản gồm:

+ Chi phí ăn, uống trong thời gian chăm sóc chị M lúc điều trị tại Bệnh viện: 60.000 đồng/01 ngày x 20 ngày = 1.200.000 đồng.

+ Tiền thu nhập bị mất: 200.000 đồng/01 ngày x 166 ngày = 33.200.000 đồng.

Tổng cộng số tiền anh E yêu cầu bồi thường là: 34.400.000 đồng.

Ở cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Chín L (mẹ bị cáo Đ và là chủ sở hữu xe mô tô 66P1- xxx.19) đồng ý liên đới bồi thường cùng với bị cáo Đ, nhưng bị cáo Trần Phước Đ và bà Nguyễn Chín L chỉ đồng ý bồi thường tiền chi phí điều trị theo hóa đơn, chứng từ của chị M là 31.295.000 đồng, còn lại các yêu cầu khác của chị M, anh E thì bị cáo Đ và bà Nguyễn Chín L không đồng ý mà yêu cầu được giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Phước Đ đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Bé M số tiền 20.000.000 đồng. Trước phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đ đã bồi thường cho bị hại Bé M số tiền 10.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1 theo Biên lai thu số 06012 ngày 30- 9- 2019. Như vậy, bị cáo Đ đã bồi thường cho bị hại Bé M được số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả: 01 xe mô tô biển số 66C1- xxx.96 cho chị Nguyễn Thị Bé M; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 870103002474 cấp ngày 30- 3- 2016 cho bị cáo, bị cáo Đ đã nhận lại xong.

Đối với xe mô tô biển số 66P1- xxx.19 cùng giấy đăng ký xe mang tên của bà Nguyễn Chín L thì vào ngày 21- 11- 2018 bà L giao xe mô tô cho bị cáo Đ mượn sử dụng thì xảy ra tai nạn giao thông, bà L đồng ý liên đới bồi thường cùng với bị cáo Đ. Do hiện nay thiệt hại chưa bồi thường xong nên cần thiết tiếp tục

quản lý xe mô tô biển số 66P1- xxx.19 cùng giấy đăng ký xe của bà L để đảm bảo cho quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 48/2019/HS- ST ngày 30- 9- 2019 của Tòa án N dân thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Phước Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trần Phước Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18- 6- 2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Phước Đ liên đới cùng bà Nguyễn Chín L bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bé M các khoản gồm: Chi phí điều trị 31.295.000 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất 9.900.000 đồng; tiền thuê xe đi lại để điều trị thương tật 4.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần 67.050.000 đồng. Tổng cộng 112.245.000 đồng.

Bà Nguyễn Chí L đã bồi thường 20.000.000 đồng, vì vậy bị cáo Trần Phước Đ liên đới cùng bà Nguyễn Chín L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 92.245.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Phước Đ liên đới cùng bà Nguyễn Chín L bồi thường cho anh Trịnh Văn E thu nhập thực tế bị mất là 11.450.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, bị cáo Trần Phước Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chín L có đơn kháng cáo xin giảm tiền bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Phước Đ đã khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo thừa nhận vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 21- 11- 2018, bị cáo điều khiển xe mô tô 66P1- xxx.19 chở chị Trần Thị Tuyết N3 từ trong nhà trọ Thanh L1 ở ấp Đông H, xã Tân Khánh Đ3, thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp chạy ra đường

ĐT 848 rẽ phải về hướng cầu Cái B1. Khi ra đến đường ĐT 848 thì bị cáo chỉ chú ý quan sát phía bên phải mà không tập trung phía bên trái là hướng có xe cùng chiều đang đi tới nên xe bị cáo va chạm vào xe mô tô của chị Nguyễn Thị Bé M, phía sau có chở chị Nguyễn Thị T4 đang chạy đến, hậu quả làm 02 xe và 04 người té, ngã trên đường. Sau khi gây ra tai nạn do sợ bị những người dân chung quanh vây đánh nên bị cáo Lên xe và điều khiển xe chạy khỏi hiện trường về hướng huyện V. Đến địa phận xã Tân Khánh T1, huyện V thì bị cáo bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe và buộc bị cáo quay lại hiện trường vụ án. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình gây ra tai nạn là có lỗi, sau khi gây ra tai nạn đã bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm cũng là có lỗi. Bị cáo thừa nhận Bản án số 48/2019/HS-ST ngày 30- 9- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ1 xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bé M số tiền 20.000.000 đồng, trước phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã tác động bà Nguyễn Chín L là mẹ bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1. Như vậy, ở cấp sơ thẩm bị cáo đã bồi thường được 30.000.000 đồng, nên quyết định của Bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo chỉ bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng là chưa phù hợp. Trước khi diễn ra phiên tòa phúc thẩm, vào ngày 15- 11- 2019 bị cáo đã tác động gia đình bồi thường tiếp cho bị hại M số tiền 40.000.000 đồng tạm nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ngày 09- 10- 2019 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Chín L thừa nhận chiếc xe mô tô biển số 66P1- 414.19 do bà L là chủ sở hữu đứng tên trên giấy đăng ký xe, trong vụ án này bà L đồng ý liên đới cùng với bị cáo Trần Phước Đ là con của bà để bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Bà L cho rằng trong quá trình điều tra và trước khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đ đã có tác động để bà bồi thường cho bị hại M tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng, bao gồm 20.000.000 đồng bồi thường trong quá trình điều tra và 10.000.000 đồng tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1, nên quyết định của Bản án sơ thẩm cho rằng bà và bị cáo chỉ bồi thường được 20.000.000 đồng là chưa phù hợp. Ngày 15- 11- 2019, bị cáo có tác động bà bồi thường tiếp cho bị hại Bé M số tiền 40.000.000 đồng tạm nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Đến nay, tổng số tiền mà bị cáo và bà đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bé M là 70.000.000 đồng. Ngày 09- 10- 2019, bà L có đơn kháng cáo yêu cầu giảm bồi thường về dân sự, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà L rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thị Bé M thừa nhận trong quá trình điều tra có nhận được 20.000.000 đồng bồi thường của bị cáo và tại phiên tòa sơ thẩm biết được bị cáo đã bồi thường tiếp 10.000.000 đồng tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1, tại phiên tòa phúc thẩm biết được bị cáo đã bồi thường tiếp

40.000.000 đồng nhưng tạm nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của bị cáo Trần Phước Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này bị cáo là người có lỗi, điều khiển phương tiện tham gia giao thông không đúng quy định tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ, khi từ đường nhánh ra đường ưu tiên, bị cáo không quan sát để nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên nên xảy ra va chạm, tuy lỗi của bị cáo là vô ý nhưng đã làm cho bị hại Nguyễn Thị Bé M bị tổn thương cơ thể là 62%, sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã trốn khỏi hiện trường, đây cũng là lỗi của bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Đ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nhận thấy, trước phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp thêm 40.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, như vậy tổng cộng bị cáo đã bồi thường được 70.000.000 đồng cho bị hại, trong đó 20.000.000 đồng bị hại đã được nhận, còn 50.000.000 đồng Cơ quan thi hành án dân sự đang tạm quản lý. Nhận thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, đến nay đã tích cực bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm c khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Phước Đ, sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Chín L kháng cáo xin giảm tiền bồi thường, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà Chín L rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L.

Tại phần tranh luận, bị cáo Trần Phước Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Chín L không tham gia tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để sớm về với gia đình trở thành một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy hành vi của bị cáo Trần Phước Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bị cáo Trần Phước Đ là người thành niên, có giấy phép lái xe mô tô, bị cáo nhận thức rõ việc điều khiển

xe mô tô biển số 66P1-xxx.19 là điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ và khi điều khiển xe từ trong nhà trọ Thanh L1 ra đường ĐT 848 là điều khiển xe từ đường nhánh ra đường chính, về nguyên tắc bị cáo phải chú ý quan sát và nhường đường cho xe đi trên đường chính, nhưng bị cáo đã không quan sát nên va chạm vào xe của bị hại Nguyễn Thị Bé M đang đi trên đường chính cùng chiều với hướng rẽ phải của bị cáo, hậu quả làm cho chị M bị tổn thương cơ thể là 62%. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 5 Điều 4 và khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nhưng sau khi gây ra tai nạn bị cáo lại bỏ trốn khỏi hiện trường nên hành vi của bị cáo cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, vì vậy Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HS-ST ngày 30- 9- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo về tội phạm trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Phước Đ xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng hành vi của bị cáo Đ là có lỗi, vi phạm pháp luật hình sự, hậu quả là đã gây ra tổn thương cơ thể cho bị hại là 62% nhưng trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm thì bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 20.000.000 đồng và bị hại đã nhận, trước phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1 ngày 30- 9- 2019 theo Biên lai thu số 06012 và trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã bồi thường tiếp cho bị hại 40.000.000 đồng tạm nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp ngày 15- 11- 2019 theo Biên lai thu số 06954, điều này đã thể hiện việc tích cực bồi thường của bị cáo; ngoài ra xét thấy gia đình bị cáo có công với nước và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Nguyễn Thị Bé M cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần tiếp tục áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là cũng đủ để giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Do trong vụ án này bị cáo đang bị tạm giam và hiện không bị tạm giam về tội phạm nào khác nên cần tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Chín L xin giảm tiền bồi thường nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà Chín L rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L.

[5] Do tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại 40.000.000 đồng, tổng cộng đã bồi thường được 70.000.000 đồng nên về trách nhiệm dân sự theo Bản án sơ thẩm tuyên thì bị cáo Trần Phước Đ liên đới cùng người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Chín L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Bé M tổng cộng 112.245.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 70.000.000 đồng, vậy bị cáo và bà Nguyễn Chín L còn phải liên đới bồi thường tiếp số tiền là 42.245.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Bé M. Ngoài ra, bị cáo Trần Phước Đ và bà Nguyễn Chín L còn phải liên đới bồi thường cho anh Trịnh Văn E thu nhập thực tế bị mất là 11.450.000 đồng. Trong 70.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường thì bị hại đã nhận 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ1 tạm quản lý theo Biên lai thu số 06012 ngày 30-9-2019 (do bà Nguyễn Chín L nộp) và còn 40.000.000 đồng hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp tạm quản lý theo Biên lai thu số 06954 ngày 15-11-2019.

[6] Do kháng cáo của bị cáo Trần Phước Đ được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chín L rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Phước Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Phước Đ.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Phước Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18-11-2019).

Giao bị cáo Trần Phước Đ cho Ủy ban nhân dân phường x, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Phước Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở Ln thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Phước Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Trần Phước Đ phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo Trần Phước Đ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo Trần Phước Đ thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả tự do cho bị cáo Trần Phước Đ ngay tại phiên tòa phúc thẩm (kèm Quyết định trả tự do cho bị cáo của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo quy định).

2. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về phần dân sự xin giảm nhẹ mức bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chín L.

Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần dân sự có hiệu lực pháp luật theo quy định chung.

3. Về án phí: Căn cứ các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Phước Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chín L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS thành phố Đ1;
- CQCSĐT Công an thành phố Đ1;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.Tòa án Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh